

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 238/2025NĐ - CP NGÀY 03/09/2025 CỦA THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 09 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 143/QĐ-THCSPL, ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Trường THCS Pom Lót)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
	Trường THCS Pom Lót										52.800.000
1	Lò Khánh Duy	2011		9D4	Thái	Lò Thị Pánh	Đội 12 (Pá Nâm)- P.Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
2	Lò Minh Đức	2011		9D4	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
3	Lò Thu Huệ		2011	9D4	Thái	Lò Thị Muôn	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
4	Lò Chấn Khang	2011		9D4	Thái	Cà Thị Hạnh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
5	Lò Đức Long	2011		9D4	Thái	Lò Văn Diên	Bản Na Lao- Sam Mún	TBĐBKK	150.000	4	600.000
6	Nguyễn Sỹ Long	2011		9D4	Kinh	Trần Thị Huệ	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
7	Phạm Huy Nhật	2011		9D4	Thái	Quảng Thị Nhung	Đội 4- chiềng xôm-SM	Khuyết tật	150.000	4	600.000
8	Quảng Thị Yên Nhi		2011	9D4	Thái	Cà Thị Toan	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
9	Đỗ Minh Sơn	2011		9D4	Kinh	Phạm Thị Tuyết Nhung	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
10	Quảng Ngọc Sơn	2011		9D4	Thái	Lò Thị Thương	Bản Na Lao- Sam Mún	TBĐBKK	150.000	4	600.000
11	Lò Thị Kiều Oanh		2011	9D4	Thái	Lò Văn Cường	Bản Na Hai - Pom Lót	Khuyết tật	150.000	4	600.000
12	Quảng Thị Ngọc Anh		2011	9D3	Thái	Cà Văn Sơn	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
13	Cà Thị Hiền		2011	9D3	Thái	Quảng Thị Minh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
14	Lò Thị Mai Trâm		2011	9D3	Thái	Quảng Thị Thắm	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
15	Nguyễn Trí Bảo	2011		9D2	Kinh	Nguyễn Thị Vân	Thôn 10-Yên Cang-Sam Mún	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
16	Lù Thị Ngọc Quyên		2011	9D2	Thái	Lường Thị Yên	Bản Na Lao- Sam Mún	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
17	Lường Anh Quý	2011		9D2	Thái	Vì Thị Lan	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
18	Lò Thu Trâm		2011	9D2	Thái	Cà Thị Pán	Bản Pom Lót - xã Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
19	Vì Thị Hoài Vui		2011	9D2	Thái	Lường Thị Thương	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
20	Lò Thị Tường Vy		2011	9D2	Thái	Nông Thị Kính	Na Hai I – P.Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
21	Cà Văn Thắng	2011		9D1	Thái	Cà Văn Chung	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
22	Lò Thị Bảo Thi		2011	9D1	Thái	Quảng Thị Thơ	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
23	Lò Thị Khánh Thi		2011	9D1	Thái	Lò Thị Kim	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
24	Quảng Thị Ngọc Tiên		2011	9D1	Thái	Quảng Thị Xinh	Bản Co My - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
25	Dương Phương Thảo		2011	9D1	Kinh	Dương Văn Tuấn	Thôn - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
26	Vì Ánh Dương	2012		8C5	Thái	Vì Văn Hồng	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
27	Lò Tiên Đạt	2012		8C5	Thái	Lò Văn Sơn	Bản Cang - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
28	Lò Thị Ngân		2012	8C5	Thái	Lò Thị Thu	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
29	Vì Trí Thông	2012		8C5	Thái	Lò Thị Chung	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
30	Lò Văn Duy	2012		8C4	Thái	Lò Thị Minh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
31	Nông Thành Đạt	2012		8C4	Thái	Nông Văn Chiến	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
32	Lò Hồng Quyết	2012		8C4	Thái	Lò Văn Tâm	Bản Na Hai - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
33	Lò Thị Hoài Thu		2012	8C4	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Co My - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
34	Cà Thị Thu Trang		2012	8C4	Thái	Vì Thị Hoa	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
35	Hoàng Nhi		2012	8C4	Thái	Lò Thị Toan	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
36	Lường Quỳnh Chi		2012	8C3	Thái	Lò Thị Tiếp	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
37	Cà Thị Ngọc Linh		2012	8C3	Thái	Cà Văn Hải	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
38	Lò Thị Anh		2012	8C2	Thái	Lò Thị Tinh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
39	Vũ Trung Hiếu	2012		8C2	Kinh	Hoàng Thắng Mạnh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
40	Lò Văn Huy	2012		8C2	Thái	Lò Thị Oi	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
41	Quảng Phương Huy	2012		8C2	Thái	Lò Thị Thiên	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
42	Lò Văn Khánh	2012		8C2	Thái	Cà Thị Vui	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
43	Lò Minh Phương	2012		8C2	Thái	Lò Thị Tươi	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
44	Lò Quỳnh Châm		2012	8C1	Thái	Quảng Thị Thương	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
45	Lò Trọng Hiếu	2012		8C1	Thái	Lò Thị Nhâm	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
46	Lò Hồng Thủy		2012	8C1	Thái	Tòng Thị Thiết	Bản Pá Nâm - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
47	Quảng Văn Tuấn	2012		8C1	Thái	Quảng Văn Sôm	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
48	Lê Mạnh Cường	2012		8C1	Kinh	Lê Anh Tuấn	Bản Cang - Sam Mứn	Khuyết tật	150.000	4	600.000
49	Lò Văn Đức Phong	2013		7B4	Thái	Lò Văn Nghiêm	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
50	Lò Thị Như Quỳnh		2013	7B4	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
51	Tòng Thị Quyên Thảo		2013	7B4	Thái	Lò Thị Diên	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
52	Tòng Thị Minh Tuệ		2013	7B4	Thái	Quảng Thị Bích	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
53	Quảng Thị Hà Vi		2013	7B4	Thái	Lò Thị Thơm	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
54	Vì Anh Vinh	2013		7B4	Thái	Lò Thị Tuyên	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
55	Tổng Công Hoan	2013		7B3	Kinh	Lê Thị Yển	Bản Cang - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
56	Quảng Thị Ly Na		2013	7B3	Thái	Lò Thị Toan	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
57	Nguyễn Sỹ Thành	2013		7B3	Kinh	Trần Thị Huê	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
58	Lường Như Ý		2013	7B3	Thái	Quảng Thị Chu	Yên Cang - SM	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
59	Lò Mạnh Cường	2013		7B2	Thái	Lò Thị Quý	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
60	Trần Thị Mỹ Duyên		2013	7B2	Kinh	Trịnh Thị Hiền	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
61	Nguyễn Lò Hồng Hà		2013	7B2	Thái	Vũ Ngọc Sơn	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
62	Lò Anh Huy	2013		7B2	Thái	Lường Thị Tình	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
63	Lò Việt Hùng	2013		7B2	Thái	Tòng Văn Sao	Bản Na Lao- Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
64	Lò Quốc Khánh	2013		7B2	Thái	Lò Văn Biên	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
65	Lò Thị Yên Nhi		2013	7B2	Thái	Lường Thị Ngân	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
66	Dương Khánh Duy	2013		7B2	Kinh	Dương Quang Phú	Bản Cang - Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
67	Hứa Vũ Trà My		2013	7B1	Nùng	Vũ Thị Hà	Thôn 1 - P.Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
68	Tòng Phương Quỳnh		2013	7B1	Thái	Tòng Văn Hoa	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
69	Cà Thị Huyền Trang		2013	7B1	Thái	Quảng Thị Dung	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
70	Vì Thị Hương Thảo		2014	6A4	Thái	Vì Văn Hoa	Bản Yên- Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
71	Lò Thị Như Quỳnh		2014	6A4	Thái	Lò Thị Ính	Bản Na Có- Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
72	Lù Quốc Đạt	2014		6A4	Thái	Lò Thị Hiền	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
73	Lò Hoàng Lâm	2014		6A4	Thái	Lò Thị Lan	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
74	Lò Thị Linh Nhi		2014	6A4	Thái	Lò Văn Toan	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
75	Lò Thị Hiền		2014	6A3	Thái	Vì Thị Hương	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
76	Vì Trung Hiếu	2014		6A3	Thái	Lò Thị Tuyên	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
77	Quảng Xuân Hà	2014		6A3	Thái	Quảng Văn Thiết	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
78	Quảng Duy Bảo	2014		6A2	Thái	Lường Thị Bình	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
79	Lường Minh Khôi	2014		6A2	Thái	Lò Thị Muội	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
80	Lò Thị Thu Hoài		2014	6A2	Thái	Lò Văn Hoá	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
81	Vì Thị Yến Nhi		2014	6A2	Thái	Quảng Thị Nội	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
82	Tòng Thị Thanh Vân		2014	6A2	Thái	Tòng Văn Hoa	Bản Na Lao- Sam Mứn	TBĐBKK	150.000	4	600.000
83	Cà Anh Đạt	2014		6A2	Thái	Cà Văn Quỳnh	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
84	Lò Thị Khánh Linh		2014	6A1	Thái	Lường Thị Thịnh	Bản Chiềng Xôm- Sam Mứn	Khuyết tật	150.000	4	600.000
85	Đỗ Bảo Châu	2014		6A1	Kinh	Lò Thị Tin	Bản Na Hai - Pom Lót	TBĐBKK	150.000	4	600.000
86	Nguyễn Trung Hiếu	2014		6A1	Kinh	Nguyễn Thanh Long	Noong Het- Điện Biên	Khuyết tật	150.000	4	600.000
87	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		2014	6A1	Kinh	Lê Thanh Thảo	Yên Cang - SM	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
88	Lò Thảo Quyên		2014	6A1	Thái	Lò Thị Pánh	Pá Nậm - Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	4	600.000

[illegible]

1

[illegible]

